

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Thường Xuân**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 301/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phân bổ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét Văn bản số 11499 /STNMT-BVMT ngày 29/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 26/Tr-STNMT ngày 12/01/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của

UBND huyện Thường Xuân (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Thường Xuân.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Tân Thành (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ**  
**Chí Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /202 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa điểm thực hiện: xã Tân Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ dự án: UBND huyện Thường Xuân.
- Đại diện chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân.
- + Đại diện bởi: (Ông) Dương Thanh Xuân; Chức vụ: Giám đốc;
- + Địa chỉ liên hệ: thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

*a. Phạm vi dự án:* Dự án nằm trên địa phận xã Tân Thành huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đầu tư tuyến đường có chiều dài khoảng 4,272 km, gồm 01 tuyến chính và 01 tuyến nhánh, cụ thể:

- Tuyến chính có chiều dài khoảng 2,972km:
  - + Điểm đầu: Km0+00 giao với đường HCM tại Km585+240 thuộc địa phận xã Tân Thành.
  - + Điểm cuối: Km3+00 giao với ĐT.519B tại Km34+500 thuộc trung tâm xã Tân Thành.
- Tuyến nhánh có chiều dài khoảng 1,3km:
  - + Điểm đầu: Km0+00 giao với tuyến chính tại Km1+046 thuộc địa phận xã Tân Thành.
  - + Điểm cuối: Km1+300 giao với đường HCM tại Km586+990 thuộc địa phận xã Tân Thành (giáp ranh với xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân).

*b. Quy mô, công suất dự án:*

Đầu tư xây dựng mới 4,272km đường giao thông, cụ thể như sau:

- Đối với tuyến chính: Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V vùng núi (Theo TCVN4054-2005); tốc độ thiết kế  $V_{tk} = 30\text{km/h}$ . Bề rộng nền đường:  $B_n = 6,50\text{m}$ . Bề rộng mặt đường:  $B_m = 3,5\text{m}$ . Lề đường gia cố BlêGC =  $2,0 \times 1,0 = 2,0\text{m}$  (kết cấu như mặt đường). Lề đất Blê đất =  $2,0 \times 0,50 = 1,0\text{m}$ . Riêng đoạn khu vực trung tâm xã Tân Thành mở rộng mặt đường bằng mặt đường hiện trạng từ (7-9)m và xây dựng rãnh dọc kín hai bên tuyến. Phần công thoát nước ngang cũ đã xuống cấp không đáp ứng yêu cầu thoát nước cần thanh lý thiết kế mới. Riêng Trần liên hợp cống bản  $2 \times 2,5\text{m}$  tại vị trí

Km0+450 (trần Bến Nha) chiều dài đường trần  $L=60,0\text{m}$ ; bề rộng trần  $B=6,0\text{m}$  được giữ nguyên chỉ thiết kế sửa chữa gia cố mặt, mái trần để tăng tuổi thọ cho công trình.

- Đối với tuyến nhánh: Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp VI vùng núi (Theo TCVN4054-2005); tốc độ thiết kế  $V_{tk} = 20\text{km/h}$ . Bề rộng nền đường:  $B_n = 6,00\text{m}$ . Bề rộng mặt đường:  $B_m = 3,5\text{m}$ . Phần công thoát nước ngang được xây dựng mới.

- Thoát nước ngang: Toàn dự án có 17 công trình thoát nước ngang, trong đó tuyến chính có 12 công trình thoát nước, tuyến nhánh 05 công trình thoát nước.

### ***1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư***

#### ***a. Giải phóng mặt bằng:***

- Tổng diện tích giải phóng mặt bằng dự án là  $23.102,67\text{ m}^2$ .

#### ***b. Nền đường:***

- Nền đường đào: Tuyến đi trên đường cũ, đào nền chủ yếu là mở rộng nền và đào hạ nền. Mái taluy nền đào căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất nền đường ta có. Đối với nền đào là đất C3 mái dốc đào 1/1, đất C4 mái dốc đào 1/0.75, chiều cao mái đào  $>12\text{m}$  giạt cấp  $H=8\text{m}$ , chiều rộng giạt cấp rộng  $B=2,0\text{m}$ , dốc 10% ra phía ngoài taluy. Đối với nền đào là đá C4, C3 mái dốc đào 1/0.3-1/0.5, không giạt cấp.

- Nền đường đắp: Nền đường đắp phải đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ . Mái taluy nền đắp độ dốc mái taluy 1/1,5, chiều cao đắp  $H \leq 6\text{m}$ . Trước khi đắp nền phải đào bỏ lớp đất hữu cơ trên bề mặt dày 0,3m và đắp thay bằng đất đắp nền đường; đoạn có độ dốc ngang tự nhiên  $>20\%$  tiến hành đánh cấp, bề rộng cấp nhỏ nhất là 1,0m.

***c. Hệ thống thoát nước ngang:*** Toàn dự án có 17 công trình thoát nước ngang trong đó:

- Tuyến chính có 12 công trình thoát nước: Giữ nguyên 01 tràn liên hợp cống bản  $KĐ=2 \times 3\text{m}$  tại Km0+457,82 - trần Bến Nha hiện tại còn tốt, chỉ sửa chữa hư hỏng cục bộ một số vị trí mặt đường trần BTXM; Giữ nguyên 04 cống bản  $KĐ=1\text{m}$  hiện còn tốt, đủ chiều rộng nền đường; Thanh lý thiết kế mới 06 cống bản  $KĐ=1,5\text{m}$ ; Thanh lý thiết kế mới 01 cống bản  $KĐ=5,4\text{m}$ .

- Tuyến nhánh: Thanh lý thiết kế mới 05 cống bản  $KĐ=1,5\text{m}$ .

#### ***d. Hệ thống thoát nước dọc:***

- Thoát nước mặt: Bằng chảy tỏa và rãnh dọc; rãnh đất hình thang tiết diện lòng  $(40+120)/2 \times 40\text{cm}$ . Những đoạn nền đất và đá phong hóa mạnh có dốc dọc lớn ( $i \geq 6\%$ ), đoạn dễ xói lở được gia cố bằng BTXM M150 dày 20cm. Đối với những đoạn nền đường đào đá: Rãnh hở hình tam giác, kích thước rộng 80cm, sâu 40cm, taluy rãnh bên phía taluy dương theo taluy nền đào.

- Đối với đoạn qua khu đông dân cư Km2+180 - Km2+971,46 tuyến chính thiết kế rãnh chịu lực dọc đường bằng BTCT M250 đúc sẵn, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh  $B = 0,5\text{m}$ , chiều sâu thay đổi theo dốc dọc thoát

nước; thành và đáy rãnh dày 15cm, bên dưới là cát đệm dày 5cm. Tấm đan nắp rãnh bằng BTCT M300 lắp ghép kết hợp bó vữa, kích thước (80x100x(14-20))cm. Thu nước mặt đường trên mặt rãnh bằng các tấm đan có để khe hở; các cửa thu, hố thu được bố trí dọc theo chiều dài tuyến với cự ly trung bình 30m/hố, cao độ đáy hố thu thấp hơn đáy rãnh 30cm.

*e. Công trình an toàn giao thông:*

- Để đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác, trên tuyến bố trí hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN41:2019/BGTVT gồm: hệ thống vạch sơn, biển báo, hộ lan tôn sóng, cọc tiêu, Cột Km, bố trí đèn điều khiển giao thông tại nút giao đầu tuyến. Sơn đường dùng loại sơn dẻo nhiệt phản quang có chiều dày 2mm và 6mm.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 6.003,17m<sup>2</sup>.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường (giai đoạn xây dựng)**

- Hoạt động giải phóng mặt bằng.
- Thi công san nền khu vực dự án.
- Thi công nền đường.
- Thi công mặt đường
- Thi công hệ thống thoát nước khu vực dự án.
- Thi công an toàn giao thông.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn xây dựng)**

**3.1. Nước thải, khí thải:**

*3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:*

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 1,12 m<sup>3</sup>/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 2,2 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 1,34 m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải từ quá trình ăn uống là 0,25 m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) 0,61 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải vệ sinh máy móc thiết bị thi công: Chủ yếu là nước thải rửa máy móc, thiết bị khoảng 3,1 m<sup>3</sup>/ngày; Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn khoảng 1.620,27 m<sup>3</sup>/h. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

*3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hơi xăng,...

Bụi, khí thải ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân xây dựng và dân cư khu vực lân cận, ảnh hưởng cục bộ với thời gian ngắn khi thi công dự án.

### **3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

#### *3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn:*

- Chất thải từ phá dỡ công trình khoảng: 7.335,69 m<sup>3</sup>.
- Đất đào phong hóa và bùn khoảng: 3.947,51 m<sup>3</sup>.
- Khối lượng phát quang thảm thực vật : 35 tấn.
- Chất thải xây dựng trong quá trình thi công các hạng mục công trình: 992,58 tấn.

- Chất thải từ các bao bì đựng xi măng 2,08 tấn.

#### *3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng. Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...

- Chất thải lỏng nguy hại phát sinh khoảng 42 lít/toàn bộ quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

#### *3.1.3. Các tác động khác*

##### *a. Tác động do, tiếng ồn, độ rung:*

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

##### *b. Các rủi ro, sự cố môi trường:*

- Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu;
- Rủi ro, sự cố thiên tai, mưa lũ trong quá trình thi công;
- Sự cố tai nạn giao thông;
- Sự cố hư hỏng công trình giao thông, nút nhà dân ở khu vực gần dự án;
- Sự cố sụp đổ công trình;
- Rủi ro, sự cố tai nạn lao động quá trình thi công;
- Rủi ro, sự cố cố ngộ độc thực phẩm;
- Rủi ro, sự cố do dịch bệnh.

## **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:**

### **4.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### *4.1.1. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Đơn vị thi công 02 hố lắng 1,0m<sup>3</sup>/hố, đặt tại khu vực lán trại thi công để thu gom và

lắng nước thải sau đó tái sử dụng chống bụi khu vực công trường. Phần váng mỡ được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày.

- *Đối với nước thải từ quá trình ăn uống:* Đơn vị thi công lắp đặt 01 bể tách mỡ 50lít bằng nhựa composit sau đó thu gom về hố lắng 1,0m<sup>3</sup> để lắng nước thải, sau đó dẫn về rãnh thoát nước hiện trạng của khu vực.

- *Đối với nước thải vệ sinh:* Đơn vị thi công thuê 4 nhà vệ sinh di động VS2C, mỗi khu 02 nhà có kích thước như sau: Kích thước phủ bì: 1120 x 1770 x 2600 (mm); kích thước lọt lòng (mỗi phòng): 1060 x 850 x 1980 (mm). Dung tích bồn nước sạch: 600 lít; dung tích hầm chứa phân: 800 lít. Chủ dự án và đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng, vận chuyển và xử lý 3 ngày/1 lần.

#### *4.1.2. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Khu vực tập kết nguyên vật liệu được che chắn bằng bạt nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Đào đường dẫn nước mưa chảy tràn xung quanh khu lán trại và kho bãi với kích thước mương dẫn 0,4m x 0,4m, cứ khoảng 20-30m bố trí 01 hố lắng để lắng bùn cặn và rác cuốn theo nước mưa, tổng chiều dài mương tạm khoảng 170m, cuối mỗi đoạn mương tạm đều bố trí hố lắng có thể tích khoảng 5m<sup>3</sup> đáy và thành lót vải địa kỹ thuật chống thấm nước để lắng bùn cặn, kích thước hố lắng 2,5mx2mx1m cho mỗi khu lán trại. Nước mưa chảy tràn được dẫn qua mương tạm và dẫn về hố lắng sau đó thoát ra ngoài theo hướng thoát nước dọc đường thi công.

#### *4.1.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:*

- Đơn vị thi công đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm, hố lắng có thể tích 6m<sup>3</sup>/hố tại 2 khu vực rửa xe của 2 khu lán trại để thu gom và xử lý.

- Nước thải được dẫn vào bể để lắng chất rắn lơ lửng, thu váng dầu sau đó tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc sử dụng cho quá trình phun nước chống bụi khu vực công trường. Váng dầu thu gom, lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại của dự án.

#### **4.2. Về bụi, khí thải:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân. Với số lượng công nhân trong giai đoạn này là 50 người, với số lượng 02 bộ/năm, chủ dự án trang bị 100 bộ bảo hộ lao động (gồm mũ, khẩu trang, kính,...).

- Tiến hành phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường vận chuyển với chiều dài 50m tính từ khu vực dự án. Dùng xe 5m<sup>3</sup>, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước dự kiến 04 lần/ngày, tăng tần xuất vào những ngày trời nắng.

- Tại các kho bãi chứa vật liệu xây dựng, đặc biệt là nơi để xi măng thực hiện che chắn cẩn thận nhằm hạn chế sự phát tán bụi.

- Phương tiện vận chuyển sử dụng trong quá trình thi công đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật, môi trường giảm thiểu bụi và khí thải do máy móc thi công gây ra.

- Các xe vận chuyển không chở quá tải trọng quy định và có bạt che thùng tránh làm rơi vãi đất trên đường.

- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao nhằm hạn chế phát sinh bụi, khí thải.

- Khu vực chứa cát, đá xây dựng, xi măng sử dụng bạt phủ kín và sau mỗi lần khi lấy vật liệu phủ bạt ngay để chống phát tán bụi

- Thường xuyên quét dọn tại vị trí thi công tuyến chủ yếu tuyến đường hiện trạng qua khu dân cư xã Tân Thành, đường Hồ Chí Minh, đường QL47, QL47C, đường DT519B các nút giao khu dân cư...

*4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:*

*4.3.1. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:*

- Đặt 06 thùng, dung tích 50 lit/thùng các thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại 02 khu vực lán trại công nhân.

- Toàn bộ rác thải sinh hoạt, đơn vị thi công ký hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương để vận chuyển xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

*4.3.2. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:*

- Các loại chất thải từ phát quang thực vật sẽ được thu gom cho người dân tận dụng làm làm thức ăn chăn nuôi, phần còn lại hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

- Thực hiện phát quang thực vật trong phạm vi dự án, trước khi phát quang cần thực hiện cấm mốc phạm vi dự án. Không dọn dẹp thực vật nằm trên các khu đất bên ngoài ranh giới khu đất.

+ Đối với đất đào thi công được tận dụng đắp nền đường trong dự án;

+ Đối với chất thải là ván gỗ, vụn sắt, vỏ bao xi măng, công nhân sẽ được thu gom hàng ngày vào khu saankho bãi tập kết, sau đó tận dụng làm vật liệu trong công tác thi công hoặc bán phế liệu cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn huyện;

+ Đối với cây rừng được người dân đem về trồng tiếp hoặc làm củi đốt;

+ Đối với khối lượng đất bóc phong hóa; Vật liệu không thích hợp vận chuyển đổ thải bên phải tuyến trữ lượng 10.000 m<sup>3</sup> và khu đồng cây thị tại xã Tân Thành trữ lượng 25.000m<sup>3</sup>, cách dự án trung bình khoảng 1,3km.

*4.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại*

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn nguy hại: Trang bị 04 thùng chứa dung tích 120lit/thùng tại 02 khu lán trại, mỗi khu được phân loại



và lưu chứa trong 2 thùng: 01 thùng chứa chất thải dính dầu mỡ, 01 thùng chứa chất thải là pin, ắc quy.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải lỏng nguy hại: Tại mỗi khu lán trại trang bị 01 thùng phuy (dung tích 100l) có dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ theo đúng quy định tại khu vực bảo dưỡng rộng 10m<sup>2</sup>, Khu vực này có mái che bằng tôn, nền cao tránh mưa, nắng...

- Đơn vị thi công hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Nghi Sơn (đơn vị đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép tiêu hủy chất thải nguy hại) thu gom, xử lý theo đúng quy định.

#### ***4.5. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất lúa***

Diện tích đất lúa bị ảnh hưởng bởi dự án không nhiều, không có hộ dân nào bị mất đất lúa trên 50%. Vì vậy, Chủ dự án sẽ hỗ trợ bằng tiền cho người nông dân khi sử dụng và phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật.

### **5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.